

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC CAO ĐẲNG

Trình độ đào tạo : Cao đẳng
Loại hình đào tạo : Chính qui
Ngành đào tạo : Công nghệ kỹ thuật Ô tô
Tên tiếng Anh : AUTOMOTIVE ENGINEERING TECHNOLOGY
Mã ngành : C510205
Chuyên ngành : Kỹ thuật đồng sơn

(Ban hành theo Quyết định số:, Ngàycủa Hiệu trưởng Trường Cao đẳng kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh)

1. Mục tiêu đào tạo

1.1 Kiến thức:

Đào tạo cử nhân cao đẳng ngành Công nghệ Kỹ thuật ô tô, Chuyên ngành kỹ thuật đồng sơn ô tô.

– Có kiến thức cơ bản về các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin, Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh và về Pháp luật; kiến thức cơ bản về khoa học xã hội và nhân văn, kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, đáp ứng được việc tiếp thu các kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và khả năng học tập ở trình độ cao hơn;

– Đạt trình độ tiếng Anh 250 điểm TOEIC, đọc và hiểu các tài liệu tiếng Anh của chuyên ngành. Đạt trình độ B tin học và sử dụng được các phần mềm liên quan đến chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô;

– Có kiến thức cơ bản về nguyên lý làm việc, kết cấu các chi tiết và các hệ thống của động cơ, gầm, điện ô tô, hệ thống tự động điều khiển, thiết bị tiện nghi, có kiến thức về đồng sơn xe ô tô;

– Có khả năng áp dụng các phương pháp phân tích và đề xuất các biện pháp khắc phục được các nguyên nhân hư hỏng về đồng, sơn xe ô tô;

– Có kiến thức về quản lý, kinh doanh dịch vụ ô tô và máy động lực, tổ chức thực hiện được công tác kiểm định, bảo dưỡng, sửa chữa ô tô;

– Có kiến thức về an toàn lao động trong công nghiệp.

1.2. Kỹ năng:

- Quản lý và kinh doanh các dịch vụ liên quan ngành Cơ khí Động lực;
- Thực hiện được các thao tác lái cơ bản trên xe ô tô;
- Chẩn đoán, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa và cải tiến được các hệ thống của ô tô-máy động lực và các lĩnh vực liên quan;
- Chẩn đoán sửa chữa và cải tiến được các phần hư hỏng về khung xe, về phần sơn của ô tô.
- Trình bày, giao tiếp, diễn đạt, phản biện và viết báo cáo được về các vấn đề chuyên môn kỹ thuật ô tô trước nhóm, tập thể.

1.3. Thái độ:

- Có trách nhiệm công dân, thái độ cởi mở, thực hiện tốt tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp, tôn trọng kỷ luật, nội quy của đơn vị và làm việc theo tác phong công nghiệp;
- Có tinh thần hợp tác làm việc theo nhóm và làm việc độc lập;
- Tích cực làm việc có phương pháp khoa học, thiện chí giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn công tác và đúc kết được kinh nghiệm trong quá trình làm việc;
- Tự giác rèn luyện sức khỏe tốt để đáp ứng yêu cầu công việc của đơn vị và xây dựng, bảo vệ Tổ quốc.

1.4. Khả năng và vị trí công tác:

- Khả năng công tác: Đảm nhiệm các công việc về ô tô tại các nhà máy sản xuất phụ tùng, phụ kiện và lắp ráp ô tô-máy động lực, các cơ sở sửa chữa ô tô-máy động lực, các trạm đăng kiểm ô tô, các cơ sở giáo dục đào tạo và các đơn vị hành chính quản lý về kỹ thuật ô tô-máy động lực, các doanh nghiệp kinh doanh ô tô, máy động lực, phụ tùng;
- Vị trí công tác: Nhân viên kỹ thuật ô tô hoặc cán bộ quản lý điều hành trong doanh nghiệp sửa chữa đồng sơn ô tô.

1.5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ:

- Có khả năng cập nhật kiến thức, công nghệ mới, khả năng tự học nâng cao trình độ kiến thức và kỹ năng phù hợp với yêu cầu công việc;
- Có khả năng tiếp tục học tập ở trình độ chuyên môn cao hơn tại các trường đại học, cơ sở đào tạo khác trong và ngoài nước.

2. Thời gian đào tạo: 3 năm

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 100 tín chỉ

4. Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp phổ thông trung học

5. Quy trình đào tạo: Theo học chế tín chỉ

Điều kiện tốt nghiệp: theo QĐ số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 15/08/2007 của Bộ GD và ĐT.

6. Thang điểm: Theo học chế tín chỉ

7. Nội dung chương trình

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Học phần: học trước (a), tiên quyết (b), song hành (c)
7.1 Khối kiến thức giáo dục đại cương			41	
7.1.1 Lý luận Mác-Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh			7	
1	LLCT001	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin 1 Fundamental principles of Marxism and Leninsm	2(2,0,4)	
2	LLCT002	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin 2 Fundamental principles of Marxism and Leninsm	3(3,0,6)	LLCT001(a)
3	LLCT003	Tư tưởng Hồ Chí Minh Ho Chi Minh Ideology	2(2,0,4)	LLCT002(a)
7.1.2 Khoa học xã hội và nhân văn			7	
Học phần bắt buộc			3	
1	LLCT004	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam Revolutionary lines of the Vietnam Communist party	3(3,0,6)	LLCT003(a)
Học phần tự chọn			4	
1	LLCT005	Pháp luật đại cương General Law	2(2,0,4)	
2	KHCB010	Kỹ năng giao tiếp General Psychology	2(2,0,4)	
3	KHCB011	Môi trường và con người Environment and People	2(2,0,4)	
7.1.3 Ngoại ngữ			8	
1	KHCB005	Anh văn 1 English 1	3(3,0,6)	
2	KHCB006	Anh văn 2 English 2	2(2,0,4)	KHCB005(a)

3	KHCB007	Anh văn 3 English 3	3(3,0,6)	KHCB403(a)
7.1.4 Toán học - Tin học - Khoa học tự nhiên			19	
Học phần bắt buộc			15	
1	KHCB001	Toán cao cấp 1 Calculus A1	3(3,0,6)	
2	KHCB002	Toán cao cấp 2 Calculus A2	2(2,0,4)	KHCB001(a)
3	KHCB003	Vật lý đại cương 1 General Physics 1	3(3,0,6)	
4	KHCB004	Hóa học đại cương 1 General Chemistry 1	2(2,0,4)	
5	CNTT002	Nhập môn tin học Informatics	3(2,1,5)	
6	DLU001	Phương pháp NCKH Research method in Science	2(2,0,4)	
Học phần tự chọn			4	
1	KHCB007	Xác suất thống kê Probability & Mathematic statistics	2(2,0,4)	
2	KHCB008	Vật lý đại cương 2 General Physics 2	2(2,0,4)	KHCB003(a)
3	KHCB009	Hóa học đại cương 2 General Chemistry 2	2(2,0,4)	KHCB004(a)
7.1.5 Giáo dục thể chất			2	
1	KHCB012	Giáo dục thể chất Constitution Educations	2	3 tuần
7.1.6 Giáo dục quốc phòng			8	
1	ANQP001	Giáo dục quốc phòng National Defence Educations	8	3 tuần
7.2 Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			79	
(Kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành)				
7.2.1 Kiến thức cơ sở ngành			25	

1	CK115	Hình họa - Vẽ kỹ thuật Technical Drawings	3(3,0,6)	
2	CK103	Dung sai - kỹ thuật đo Tolerance - Metrology	2(2,0,4)	
3	CK104	Vật liệu học Materials	2(2,0,4)	KHCB004(a)
4	CK113	Công nghệ kim loại Metal Technology	2(2,0,4)	
5	CK112	Cơ lý thuyết Theory of Mechanics	2(2,0,4)	
6	CK114	Sức bền vật liệu Strength of Material	2(2,0,4)	
7	CK111	Nguyên lý - Chi tiết máy Machine Mechanism - Mechanical Elements	2(2,0,4)	
8	DLUC101	Thủy lực và máy thủy lực Hydraulic and Hydraulic Power	2(2,0,4)	
9	DLUC102	Kỹ thuật điện – điện tử Electrical – Electronic Techniques	2(2,0,4)	
10	CK108	AutoCAD (2D)	2(2,0,4)	CNTT002(a), CK101(a)
11	DLUC103	An toàn và môi trường công nghiệp Industrial Safety and Environment	2(2,0,4)	
7.2.2 Kiến thức chuyên ngành				
Lý thuyết				
Học phần bắt buộc				
1	DLUC201	Nhập môn công nghệ ô tô Introduction to Automotive Technology	2(2,0,4)	
2	DLUC201	Động cơ đốt trong Internal Combustion Engine	2(2,0,4)	
3	DLUC203	Ô tô Automotive Theory	2(2,0,4)	
4	DLUC204	Hệ thống điện – điện tử ô tô Electrical – Electronic Automotive System	2(2,0,4)	

5	KHCB403	Anh văn chuyên ngành English for specific	2(2,0,4)	KHCB006(a)
Học phần tự chọn (chọn 2 trong 4 học phần)			4	
1	DLUC212	Công nghệ bảo dưỡng sửa chữa ô tô Maintenance and Repair Automotive Technology	2(2,0,4)	
2	DLUC213	Khí xả và vấn đề ô nhiễm môi trường Exhaust and pollution problems	2(2,0,4)	
3	DLUC214	Quản lý dịch vụ ô tô Automotive service manager	2(2,0,4)	
4	DLUC215	Kiểm định và chẩn đoán kỹ thuật ô tô Testing and diagnosis of automotive engineering	2(2,0,4)	
Thực hành			30	
1	CK223	Thực tập Nguội – Hàn cơ bản Practice in Manual Works - Welding	2(0,2,2)	DLUC103 (a)
2	DLUC205	Thực tập động cơ 1 Engine Practice 1	2(0,2,2)	
3	DLUC207	Thực tập ô tô Automotive Practice	2(0,2,2)	
4	DLUC209	Thực tập điện ô tô 1 Electric Automotive Practice 1	2(0,2,2)	
5	CK225	Hàn MIG/MAG cơ bản	2(0,2,2)	CK 224(a)
6	CK224	Hàn hồ quang tay	2(0,2,2)	CK 223(c)
7	DLUC206	Kỹ thuật tạo nền và mặt phẳng trước khí sơn	2(0,2,2)	
8	DLUC207	Kỹ thuật pha sơn và chỉnh màu	2(0,2,2)	DLUC206(a)
9	CK 226	Kỹ thuật gò	2(0,2,2)	
10	CK227	Hàn tiếp xúc (hàn điện trở)	2(0,2,2)	

11	DLUC	Kỹ thuật phun sơn	2(0,2,2)	
7.2.3 Thực tập tốt nghiệp			6	
1	DLUC501	Thực tập tốt nghiệp Final Engineering Internship	6(0/0/6)	
Khóa luận tốt nghiệp hoặc học bổ sung			5	
1	DLUC 502	Khóa luận tốt nghiệp Thesis for graduation	5(0/0/5)	
		Học bổ sung		
1	DLUC 212 đến DLUC215	Sinh viên chọn 2 trong 4 học phần tự chọn ở phần Kiến thức chuyên ngành		
Tổng cộng toàn khóa			100	
Tỷ lệ giờ thực hành/tổng số tiết, giờ				

